|  |
| --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  **PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**  **BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**  **Lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực để dạy học tốt môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1 (Bộ sách Cánh Diều)**  **Bộ môn: Tiếng Việt**  **Lĩnh vực: Quản lí**  **Cấp học: Tiểu học**  **Năm học 2023- 2024** |

**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**1. Tên sáng kiến:** *“****Lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực để dạy học tốt môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1****"* ***(Bộ sách Cánh Diều)****"*

**2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** Áp dụng trong dạy học Tiếng Việt lớp 1/ Cấp Tiểu học.

**3. Tác giả:** Họ và tên: Hoàng Thị The Giới tính: Nữ.

Ngày/tháng/năm sinh: 02/08/1974

Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm Chức vụ: Giáo viên

Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Ngọc Châu- Thành phố Hải Dương.

Điện thoại: 0912 073 552.

**4. Đồng tác giả:** Không có.

**5. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:** Trường Tiểu học Ngọc Châu- TP Hải Dương.

Địa chỉ: Số 3 Trần Thánh Tông- Phường Ngọc Châu. Điện thoại:02203 858 951.

**6. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu:** Trường Tiểu học Ngọc Châu- Thành phố Hải Dương - Điện thoại 02203 858 951.

**7. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:** Giáo viên phải nắm chắc chương trình môn Tiếng Việt lớp 1 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; hiểu được đặc điểm tâm lí lứa tuổi; nghiên cứu kĩ bài học; tích cực học tập, ứng dụng các phương pháp kĩ thuật dạy học mới vào trong giảng dạy để phát triển được phẩm chất, năng lực học sinh. Cơ sở vật chất trường lớp phải đảm bảo theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**8. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu:** Năm học 2023- 2024.

**9. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HỌ TÊN TÁC GIẢ** | **XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ**  **ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |
| **XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT** | |

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | NỘI DUNG | TRANG |
| 1 | MỤC LỤC |  |
| 2 | THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN |  |
| 3 | BÁO CÁO SÁNG KIẾN |  |
| 4 | TÓM TẮT SÁNG KIẾN |  |
| 5 | MÔ TẢ SÁNG KIẾN | 1 |
| 6 | 1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến. | 1 |
| 7 | 2. Cơ sở lí luận của vấn đề. | 2 |
| 8 | 3. Thực trạng của vấn đề. | 4 |
| 9 | 4. Các biện pháp thực hiện. | 6 |
| 10 | 4.1. Biện pháp 1: Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn. | 6 |
| 11 | 4.2. Biện pháp 2:Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép. | 9 |
| 12 | 4.3. Biện pháp 3: Sử dụng kỹ thuật trò chơi. | 11 |
| 13 | 4.4. Biện pháp 4: Sử dụng kỹ thuật đóng vai. | 15 |
| 14 | 5. Kết quả đạt được. | 18 |
| 15 | 6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng. | 21 |
| 16 | KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ | 23 |
| 17 | Kết luận. | 23 |
| 18 | Khuyến nghị. | 23 |
| 19 | PHỤ LỤC | 25 |
| 20 | TÀI LIỆU THAM KHẢO | 25 |
| 21 | KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA | 26 |
| 22 | ĐỀ KHẢO SÁT LẦN I | 32 |
| 23 | ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM ĐỀ KHẢO SÁT LẦN I | 33 |
| 24 | ĐỀ KHẢO SÁT LẦN II | 34 |
| 25 | ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM ĐỀ KHẢO SÁT LẦN I | 35 |

**CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chữ viết tắt** | **Ý nghĩa** |
| 1 | GV | Giáo viên |
| 2 | HS | Học sinh |
| 3 | YC | Yêu cầu |
| 4 | BT | Bài tập |
| 5 | HSNK | Học sinh năng khiếu |
| 6 | HĐNT | Hoạt động nối tiếp |

**BÁO CÁO SÁNG KIẾN**

**1. Lý do xây dựng đề tài:**

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh với 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Đây là định hướng những mục tiêu trực tiếp nhất của giáo dục hiện nay, hướng đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho tương lai. Môn Tiếng việt là môn học rất hữu ích và được ứng dụng rất nhiều trong cuộc sống, góp phần hình thành và phát triển cho học sinh nhiều năng lực cần thiết như năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ. Trong đó, nội dung của môn Tiếng Việt lớp 1 tập trung hình thành những cơ sở ban đầu cho việc học đọc, học viết; giúp học sinh nhận biết căn bản về mặt chữ cái, định hướng cho học sinh trong cách nghe, học sao cho phù hợp dựa trên ngôn ngữ trẻ sẵn có. Nội dung trong sách Tiếng Việt lớp 1 góp phần tạo nền tảng cho học sinh, cung cấp những kiến thức căn bản được xem là cơ sở tạo nền móng giúp học sinh học tốt ở cấp cao hơn

Để đáp ứng nhu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên giảng dạy cần thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học tích cực cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tiếng Việt. Trong đó, việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy môn tiếng việt đóng vai trò vô cùng quan trọng. Áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tư duy sáng tạo cho học sinh, hình thành và phát triển một số năng lực cần thiết, giúp kích thích sự tò mò trong học tập môn Tiếng Việt, học sinh chủ động hơn trong nắm bắt kiến thức trên lớp. Những kĩ thuật dạy học tích cực giúp học sinh phản xạ nhanh hơn, hình thành và phát triển các năng lực như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực đọc- viết…

Hiểu được tầm quan trọng đó, tôi đã quyết định lựa chọn nghiên cứu đề tài: *“****Lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực để dạy học tốt môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1” (Bộ sách Cánh Diều)***

**2. Các giải pháp cơ bản:**

### 2.1 Giải pháp 1. Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn giúp học sinh cao năng lực hợp tác, làm việc nhóm.

### 2.2 Giải pháp 2. Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép giúp học sinh cải thiện năng lực ngôn ngữ, mở rộng vốn từ.

### 2.3 Giải pháp 3. Sử dụng kỹ thuật trò chơi giúp nâng cao hứng thú học tập, kích thích tư duy.

### 2.4 Giải pháp 4. Sử dụng kỹ thuật đóng vai giúp học sinh phát triển khả năng sáng tạo, tự tin trước đám đông.

**3. Kết quả trước và sau khi áp dụng các giải pháp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chất lượng môn Tiếng Việt** | **Trước khi**  **áp dụng sáng kiến** | | **Sau khi**  **áp dụng sáng kiến** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| **Điểm 9- 10** | 2/30 | 6, 6% | 10/30 | 33% |
| **Điểm 7- 8** | 6/30 | 20, 4% | 12/30 | 40% |
| **Điểm 5- 6** | 17/30 | 57% | 8/30 | 27% |
| **Điểm dưới 5** | 5/30 | 16% | 0/30 | 0% |

Qua bảng khảo sát kết quả học tập trên, chúng ta có thể thấy rõ sự tiến bộ của các em sau khi sáng kiến được áp dụng. Số lượng học sinh hoàn thành tốt môn Tiếng Việt đã tăng nhanh chóng từ 27% lên 73%. Số lượng học sinh hoàn thành đã giảm từ mức 57% xuống 27%. Học sinh chưa hoàn thành môn Tiếng Việt đã không còn sau khi áp dụng sáng kiến.

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:**

Để đáp ứng nhu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên giảng dạy cần thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học tích cực cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tiếng Việt. Trong đó, việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy môn Tiếng Việt đóng vai trò vô cùng quan trọng. Áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tư duy sáng tạo cho học sinh, hình thành và phát triển một số năng lực cần thiết, giúp kích thích sự tò mò trong học tập môn Tiếng Việt, học sinh chủ động hơn trong nắm bắt kiến thức trên lớp. Những kĩ thuật dạy học tích cực giúp học sinh phản xạ nhanh hơn, hình thành và phát triển các năng lực như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực đọc- viết…

Hiểu được tầm quan trọng đó, tôi đã quyết định lựa chọn nghiên cứu đề tài: *“****Lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực để dạy học tốt môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1” (Bộ sách Cánh Diều)***

**2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến:**

***2.1. Điều kiện:*** Giáo viên phải nắm chắc Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Việt lớp 1; yêu nghề, tích cực học hỏi, bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; nắm bắt đặc điểm tâm lí học sinh. Cơ sở vật chất trường lớp phải đảm bảo theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

***2.2. Thời gian:*** Thực hiện trong năm học 2023- 2024 và những năm học tiếp theo.

***2.3. Đối tượng áp dụng sáng kiến:*** Giáo viên giảng dạy môn Tiếng Việt lớp 1 và học

**3. Nội dung sáng kiến:**

***- Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến:*** Sáng kiến đảm bảo tính khoa học vì việc nghiên cứu được tiến hành trên cơ sở phân tích tổng hợp tất cả các kiến thức liên quan, đảm bảo tính lô-gic. Vấn đề nghiên cứu được dựa trên các kiến thức về lí luận dạy học và các kiến thức về tâm lí giáo dục. Sáng kiến đúc rút một số kinh nghiệm, đưa ra một số biện pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ của học sinh ở cả 4 kĩ năng đọc, viết, nghe, nói ở các mức độ cơ bản với học sinh lớp 1.

***- Khả năng áp dụng của sáng kiến:*** Sáng kiến có tính thực tiễn cao, dễ áp dụng và phổ biến. Áp dụng đề tài này không cần cầu kì về phương tiện hay trang thiết bị dạy học mà chỉ cần chuẩn bị chu đáo về phương pháp dạy học giúp học sinh học tập nhẹ nhàng, hiệu quả.

***- Lợi ích thiết thực của sáng kiến:*** Sáng kiến đã chỉ ra những biện pháp hữu hiệu giúp học sinh học phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua 4 kĩ năng đọc, viết, nghe và nói, đồng thời giúp học sinh có kĩ năng giao tiếp, yêu thích và học tốt môn Tiếng Việt.

**4. Khẳng định giá trị, kết quả đạt được của sáng kiến:**

Sau một thời gian áp dụng sáng kiến, học sinh lớp 1 do tôi giảng dạy đã khắc phục được những hạn chế về các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết so với thời gian trước; học sinh không còn tâm lí sợ sệt, e ngại khi đến tiết học môn Tiếng Việt thay vào đó là sự hào hứng, mong chờ. Các tiết học diễn ra sôi nổi, hiệu quả hơn; học sinh tự giác, tích cực hơn trong học tập. Là giáo viên tôi thấy thêm yêu nghề, tâm huyết trong việc giảng dạy, giáo dục học sinh.

**5. Đề xuất kiến nghị để thực hiện, áp dụng hoặc mở rộng sáng kiến:**

Nhà trường đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chỉ đạo chuyên môn theo hướng mở, giáo viên tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy. Giáo viên phải tích cực học hỏi, bồi dưỡng chuyên môn và đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Kết hợp chặt chẽ với phụ huynh trong việc giảng dạy, giáo dục học sinh. Học sinh nâng cao tinh thần tự giác trong học tập; tự tin, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường để phát triển khả năng ngôn ngữ Tiếng Việt.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:**

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh với 5 phẩm chất chủ yếu là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Đây là định hướng những mục tiêu trực tiếp nhất của giáo dục hiện nay, hướng đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho tương lai. Môn Tiếng việt là môn học rất hữu ích và được ứng dụng rất nhiều trong cuộc sống, góp phần hình thành và phát triển cho học sinh nhiều năng lực cần thiết như năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ. Trong đó, nội dung của môn Tiếng Việt lớp 1 tập trung hình thành những cơ sở ban đầu cho việc học đọc, học viết; giúp học sinh nhận biết căn bản về mặt chữ cái, định hướng cho học sinh trong cách nghe, học sao cho phù hợp dựa trên ngôn ngữ trẻ sẵn có. Nội dung trong sách Tiếng Việt lớp 1 góp phần tạo nền tảng cho học sinh, cung cấp những kiến thức căn bản được xem là cơ sở tạo nền móng giúp học sinh học tốt ở cấp cao hơn

Để đáp ứng nhu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, giáo viên giảng dạy cần thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học tích cực cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Tiếng Việt. Trong đó, việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực vào giảng dạy môn tiếng việt đóng vai trò vô cùng quan trọng. Áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát huy tư duy sáng tạo cho học sinh, hình thành và phát triển một số năng lực cần thiết, giúp kích thích sự tò mò trong học tập môn Tiếng Việt, học sinh chủ động hơn trong nắm bắt kiến thức trên lớp. Những kĩ thuật dạy học tích cực giúp học sinh phản xạ nhanh hơn, hình thành và phát triển các năng lực như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực đọc- viết…

Hiểu được tầm quan trọng đó, tôi đã quyết định lựa chọn nghiên cứu đề tài: *“****Lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực để dạy học tốt môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1” (Bộ sách Cánh Diều)***trong khuôn khổ sáng kiến của mình tôi mong muốn tìm tòi và đưa ra các phương pháp mới hiệu quả, phù hợp với tình hình chung của nền giáo dục hiện nay.

## 2. Cơ sở lí luận của vấn đề:

***2.1. Cơ sở lí luận:***

2.1.1. Khái niệm và đặc điểm các kỹ thuật dạy học tích cực

Kỹ thuật dạy học tích cực là cách thức giáo viên tổ chức các hoạt động nhằm phát huy sự tham gia tích cực của học sinh vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, khả năng sáng tạo, sự chủ động và tính tích cực của người học. Việc áp dụng các kỹ thuật dạy học tích cực có ý nghĩa rất lớn trong quá trình học tập của các em học sinh. Thông qua đó, học sinh được khám phá, trải nghiệm, kích thích sự tìm tòi; biết cách áp dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tế, vận dụng để giải quyết vấn đề trong cuộc sống; đồng thời góp phần rèn luyện và phát triển nhiều kỹ năng cho học sinh như kỹ năng hợp tác, giao tiếp,.…

Các kỹ thuật dạy học tích cực có đặc điểm là tạo ra một môi trường học tập cho học sinh được vui vẻ, năng động, say sưa học tập và tập trung cao độ, tham gia tích cực vào hoạt động học tập. Các kỹ thuật tích cực này tạo điều kiện quan trọng cho học sinh có cơ hội trải nghiệm, vận dụng vào thực tiễn đời sống, được thể hiện những cảm xúc và suy nghĩ của bản thân, nâng cao kỹ năng giao tiếp của học sinh.

2.1.2. Đặc điểm tâm lý của học sinh lớp 1 khi học môn Tiếng Việt.

Lớp 1 là lứa tuổi mới bắt đầu làm quen với chữ cái và tập đọc, tập viết. Với các em, đây hoàn toàn là những kiến thức mới lạ so với chương trình giáo dục mầm non. Vì vậy, đa phần các em đều có tâm lý né tránh, gặp nhiều khó khăn trong quá trình học Tiếng Việt. Bên cạnh đó, các em cũng đang ở độ tuổi học và chơi nên việc tập trung học đọc, học viết trong thời gian dài là rất khó khăn. Điều này cũng tạo điều kiện để thúc đẩy các giáo viên chủ động phát triển và lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực để thúc đẩy quá trình học tập của các em học sinh.

2.1.3. Nguyên tắc ứng dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt 1.

Muốn thực hiện lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực được hiệu quả, người giáo viên cần thực hiện một số nguyên tắc sau:

Thứ nhất, giáo viên cần kết nối các hoạt động trong kỹ thuật dạy học tích cực và xác định được mục tiêu học tập, khuyến khích sự tự chủ, tích cực của học sinh.

Thứ hai, để đảm bảo việc quản lý lớp học hiệu quả, giáo viên cần lưu ý tạo cho lớp mình không khí sôi động, nhưng an toàn cho học sinh trong lớp.

Thứ ba, để sắp xếp không gian học tập tích cực, giáo viên cần thiết kế lớp học phong phú và phù hợp, giáo viên có thể đóng vai trò là bạn của học sinh và cùng tham gia với học sinh, tạo sự gần gũi và thân mật, hòa đồng.

Thứ tư, giáo viên cần đảm bảo về mặt nội dung kiến thức phù hợp với thời gian quy định đồng thời cần quan tâm đến mọi đối tượng học sinh.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục, trong đó ứng dụng kỹ thuật dạy học tích cực là nội dung đổi mới quan trọng. Cụ thể, “Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống; chú trọng dạy học phân hóa đối tượng; kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động thực hành trải nghiệm”*.* Chính là mục tiêu trọng tâm ngành giáo dục đang hướng đến. Điều này tạo ra yêu cầu mới về sáng tạo, phát triển phương pháp giảng dạy mới cho học sinh.

## *2.2. Cơ sở thực tiễn*

Bản thân tôi là một giáo viên có nhiều năm tham gia giảng dạy môn Tiếng Việt lớp 1, tôi đã tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu các giải pháp để nâng cao chất lượng giờ dạy môn Tiếng Việt lớp 1. Ngay đầu năm học 2023-2024, tôi đã thực hiện áp dụng các giải pháp và đánh giá kết quả khảo sát đối với 30 học sinh lớp 1E do tôi phụ trách chủ nhiệm và giảng dạy môn Tiếng Việt.

a) Thuận lợi

Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho việc dạy và học lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Giáo viên được tham gia tập huấn chương trình phổ thông mới năm 2018. Giáo viên dạy lớp 1 đều tâm huyết, không ngại thay đổi, làm mới và tìm kiếm các phương pháp, kỹ thuật mới nhằm phát huy tính tích cực của học sinh. Giáo viên trong trường thường xuyên tích cực trao đổi kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy với nhau, từ đó có thể học hỏi lẫn nhau để cùng nhau xây dựng được những giờ giảng dạy đạt hiệu quả cao.

Phần lớn các em học sinh của trường đều là học sinh chăm ngoan, lễ phép, có khả năng tiếp thu tốt, giúp cho việc dạy học hiệu quả hơn.

Phụ huynh luôn quan tâm, ủng hộ các hoạt động giáo dục của trường, lớp cũng như đồng hành cùng con em trong việc học tập. Đây là một điều rất đáng quý vì nó tạo động lực hơn nữa để tôi tiến hành thực hiện những giải pháp này.

b) Khó khăn

Trong giảng dạy môn Tiếng Việt, nhiều giáo viên vẫn sử dụng các phương pháp giảng dạy truyền thống, giáo viên giảng dạy trên bục giảng, thao thao nói và các em học sinh sẽ đọc theo, giáo viên cũng có ít thời gian để rèn cho từng học sinh đọc, viết, ghép chữ và ít được vận dụng vào thực tiễn. Học sinh trở nên bị động, hạn chế khả năng tích cực của mỗi học sinh, tiết học môn Tiếng Việt trở nên nhàm chán, không có hứng thú, dẫn đến tình trạng học sinh không hiểu bài. Mặc dù trường học đã được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại như ti vi, máy chiếu tuy nhiên những thiết bị này chưa được sử dụng hiệu quả, triệt để gây lãng phí tài nguyên.

Học sinh chưa quen với nề nếp học tập tại bậc Tiểu học. Các em vẫn còn ham chơi, dễ bị thu hút bởi các yếu tố bên ngoài, dễ mất tập trung trong giờ học.

Một số học sinh rụt rè, nhút nhát, ngại giao tiếp, chưa mạnh dạn tham gia vào hoạt động học tập của lớp, của trường. Cá biệt một số em vẫn còn tâm lí chờ đợi sự giúp đỡ từ bố mẹ, thầy cô.

Nhiều gia đình bố mẹ đi làm công nhân theo ca, ít có thời gian quan tâm, chỉ dạy và theo sát việc học tập của con. Các em ở cùng và được ông bà chăm sóc nên có tâm lý ỷ lại; chưa có tinh thần tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập dẫn đến kết quả đạt được chưa cao.

## 3. Thực trạng của vấn đề:

c) Kết quả khảo sát thực tế

Tôi đã thực hiện bảng khảo sát thực tế để đánh giá thái độ học tập trong môn Tiếng Việt trước khi áp dụng sáng kiến của 30 học sinh lớp 1E, kết quả như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí khảo sát** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| Học sinh có năng lực hợp tác và làm việc nhóm | 8/30 | 26,7% |
| Học sinh khả năng tư duy trong quá trình học tập | 7/30 | 23,3% |
| Học sinh có khả năng sáng tạo trong học tập | 5/30 | 16,7% |
| Học sinh tự tin khi trình bày trước đám đông | 6/30 | 20% |
| Học sinh hứng thú, tích cực tham gia xây dựng bài | 5/30 | 16,7% |
| Học sinh có vốn từ rộng và có năng lực ngôn ngữ | 10/30 | 33% |

Qua bảng khảo sát trên, chúng ta có thể thấy rõ thái độ học tập của các em học sinh đối với môn Tiếng Việt còn khá thấp. Cụ thể, học sinh có năng lực hợp tác và làm việc nhóm chỉ chiếm 26,7%. Tỷ lệ học sinh có khả năng tư duy trong quá trình học tập chỉ chiếm 23,3%. Bên cạnh đó, học sinh đa phần đều không hào hứng với tiết học trong khi số lượng học sinh hứng thú, tích cực tham gia xây dựng bài chỉ chiếm khoảng 16,7%. Học sinh có khả năng sáng tạo và tự tin khi trình bày trước đám đông cũng rất thấp, chỉ chiếm 20%. Cuối cùng, số lượng học sinh có vốn từ rộng và có năng lực ngôn ngữ chỉ chiếm 33%, một con số tương đối hạn chế.

Từ thực trạng trên, tôi mạnh dạn áp dụng lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực vào việc giảng dạy môn Tiếng Việt nhằm nâng cao chất lượng học tập môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1. Kết quả sau khi thực hiện như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chất lượng môn Tiếng Việt** | **Trước khi áp dụng sáng kiến** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| **Điểm 9- 10** | 2/30 | 6, 6% |
| **Điểm 7- 8** | 6/30 | 20, 4% |
| **Điểm 5- 6** | 17/30 | 57% |
| **Điểm dưới 5** | 5/30 | 16% |

Với bảng khảo sát trên thì ta cũng thấy được rằng, năng lực học tập môn Tiếng Việt của các em còn rất hạn chế. Cụ thể, số học sinh hoàn thành tốt môn Tiếng Việt chỉ chiếm 27%. Số học sinh hoàn thành là 17 em (chiếm tỷ lệ 57%). Đáng chú ý, số học sinh chưa hoàn thành còn 5 học sinh (chiếm tỷ lệ 16%).

## 4. Các biện pháp thực hiện:

### ***4.1. Biện pháp 1. Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn giúp học sinh cao năng lực hợp tác, làm việc nhóm.***

\* Mục đích:

Việc sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn trong dạy học môn Tiếng Việt nhằm giúp học sinh hình thành và rèn luyện một số kỹ năng cần thiết trong giao tiếp, hợp tác cũng như khả năng làm việc nhóm đồng thời tạo không khí lớp học thêm vui nhộn, tạo hứng thú, kích thích sự tò mò, sáng tạo, tư duy độc lập của học sinh.

\* Nội dung và cách thực hiện:

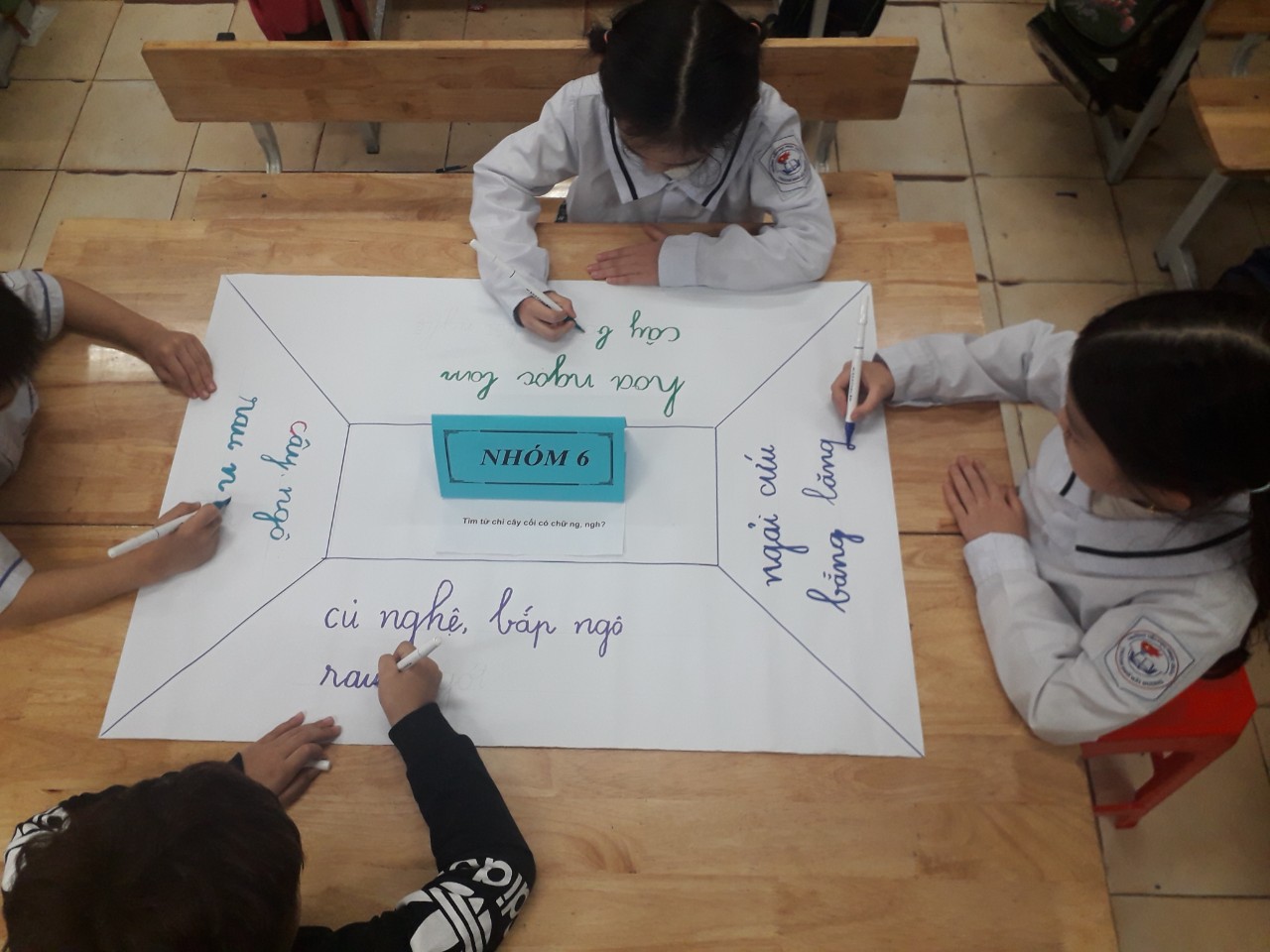
Kĩ thuật khăn trải bàn là một hình thức tổ chức mới với hoạt động học tập mang tính hợp tác, kết hợp giữa hoạt động của cá nhân và hoạt động nhóm của học sinh thông qua việc giáo viên cho học sinh sử dụng phiếu học tập được bố trí như khăn trải bàn.

Việc sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn có vai trò và lợi ích vô cùng quan trọng nhằm thúc đẩy sự tham gia tích cực của hầu hết học sinh trong lớp, học sinh được hợp tác cùng nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập do giáo viên giao; Đồng thời tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh trong từng nhiệm vụ nhỏ để hoàn thành tốt nhiệm vụ của các nhóm; Góp phần phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với nhau trong cả lớp. Từ đó rèn luyện cho học sinh tư duy độc lập, sáng tạo, góp phần xây dựng môi trường học tập lành mạnh.

\* Về cách tổ chức:

Tôi tiến hành chia lớp thành 6 nhóm đồng thời mỗi nhóm sẽ phân công các nhóm trưởng, thư ký và phát dụng cụ học tập cho mỗi nhóm. Tôi sẽ giao cho nhóm trưởng bảng phân công nhiệm vụ từng thành viên trong nhóm để nhóm trưởng phân công công việc đồng thời tôi có thể dễ dàng kiểm soát được việc thực hiện hoạt động của các thành viên trong nhóm.

Tôi đưa ra vấn đề (nhiệm vụ học tập) cho các nhóm đồng thời từng thành viên trong nhóm viết ý kiến, quan điểm của mình, trả lời vào góc của phiếu học tập.



*Hình ảnh minh họa sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn.*

Tiếp theo, nhóm trưởng và thư ký sẽ tổng hợp tất cả các ý kiến và lựa chọn những ý kiến quan trọng viết vào giữa phiếu học tập, những ý kiến đó là những ý kiến mà cả nhóm cho là đúng nhất với câu trả lời của nhiệm vụ học tập.

Lưu ý: Khi thực hiện nhiệm vụ nhóm, mỗi thành viên làm việc độc lập tại góc riêng của mình.

- Ví dụ:

Khi thực hiện áp dụng kỹ thuật khăn trải bàn vào bài 22 “ng và ngh”, Tiếng Việt lớp 1:

*- Mục đích:*

Hoạt động theo kỹ thuật khăn trải bàn nhằm mục đích giúp các em biết cách đọc và tìm các đồ vật, cây cối có âm ngh, ng, đồng thời rèn luyện và phát triển năng lực tự học tự chủ, độc lập, sáng tạo cho học sinh, nâng cao kết quả học tập và chất lượng dạy và học trong môn Tiếng việt lớp 1.

*- Cách thực hiện:*

Tôi tiến hành chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm làm việc theo kỹ thuật khăn trải bàn. Các nhóm bầu nhóm trưởng, thư ký và nhận dụng cụ học tập của tôi với yêu cầu: Các em tìm các từ có chữ ngh và ng. Nhiệm vụ cụ thể của các nhóm như sau:

Nhóm 1+2: Tìm các đồ vật có chữ ngh, ng

Nhóm 3+4: Tìm các hành động, trạng thái của con người có chữ ngh, ng

Nhóm 5+6: Tìm các cây cối có chữ ngh, ng

Tôi cho các nhóm thời gian 5 phút làm việc, các thành viên làm việc độc lập. Trong thời gian 5 phút, mỗi cá nhân phải suy nghĩ để trả lời yêu cầu đề bài và ghi nhanh kết quả vào ô có tên mình.

Hết thời gian 5 phút, các nhóm sẽ có 5 phút để chia sẻ, thảo luận trong nhóm, đưa ra các ý kiến thống nhất về kết quả dự đoán của nhóm và thư ký ghi vào phần chính giữa của tờ giấy. Nhóm nào có nhiều dự đoán nhất sẽ được chọn dán sản phẩm lên bảng và báo cáo kết quả.

Các nhóm khác phải dùng bút khác màu để đánh dấu những đáp án trùng với đáp án của nhóm bạn, những đáp án nhóm bạn có thì sẽ ghi bổ sung, những đáp án nhóm bạn không có thì sẽ có ý kiến bổ sung.

Ví dụ các từ mà các nhóm liệt kê như sau:

Nhóm 1+2: Các đồ vật có chữ ngh, ng: ngựa gỗ, giường, ngà voi, thang máy, tàu điện ngầm,…

Nhóm 3+4: Tìm các hành động, trạng thái của con người có chữ ngh, ng: nghi ngờ, nghe ngóng, đề nghị, nghiêm túc, ngân nga, ngập ngừng, …

Nhóm 5+6: Tìm các cây cối có chữ ngh, ng: củ nghệ, bắp ngô, hoa bằng lăng, cây bàng, ngải cứu, cây ngọc lan,...

Tôi tiến hành nhận xét, tổng hợp và kết luận.

Thông qua hoạt động trên, tất cả học sinh tham gia nhóm một cách tích cực, chủ động, mỗi cá nhân thực hiện nhanh yêu cầu, sau đó trao đổi thảo luận để thống nhất chung trong nhóm đúng thời gian quy định, nâng cao năng lực tự học tự chủ cho bản thân, và tạo ra thái độ tích cực đối với học tập. Các em sẽ xác định các từ tìm được đã đạt yêu cầu chưa, chính xác chưa, tập đánh vần và phát âm từ đó.

\* Điểm mới:

### Điểm mới của biện pháp là việc sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn vào giảng dạy Tiếng Việt lớp 1, đã giúp kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh trong lớp; đồng thời tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh trong tham gia nhiệm vụ học tập, góp phần phát triển mô hình có sự tương tác giữa học với học sinh.

### ***4.2. Biện pháp 2. Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép giúp học sinh cải thiện năng lực ngôn ngữ, mở rộng vốn từ***

\* Mục đích:

Việc sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 nhằm giúp cho học sinh có thể phát triển, cải thiện năng lực ngôn ngữ, mở rộng vốn từ đồng thời rèn luyện cho học sinh kỹ năng giao tiếp, sự tự tin khi đứng trước đám đông.

\* Nội dung và cách thực hiện:

Kỹ thuật mảnh ghép là kỹ thuật dạy học mang tính hợp tác, kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ tổng hợp đồng thời kích thích sự tham gia tích cực cũng như nâng cao vai trò của học sinh trong quá trình hợp tác.

Kỹ thuật mảnh ghép mang đến nhiều đặc điểm tích cực và lợi ích quan trọng trong quá trình giảng dạy và học tập. Đầu tiên, kỹ thuật mảnh ghép thúc đẩy tư duy sáng tạo và tính chủ động, phát triển sự năng động của học sinh. Bên cạnh đó, kỹ thuật mảnh ghép còn rèn luyện cả tinh thần làm việc cá nhân và khả năng làm việc nhóm, khi các em không chỉ phải hoàn thành nhiệm vụ cá nhân mà còn phải hợp tác với nhóm để hoàn thành bài tập hoàn chỉnh nhất. Đồng thời, kỹ thuật này cũng phát triển kỹ năng trình bày trước đám đông, giúp học sinh tự tin hơn trong việc diễn đạt và giao tiếp trước đám đông.

**Cách thức tổ chức:**

Sau khi hoàn thành xong nhiệm vụ của kỹ thuật khăn trải bàn ở phía trên, từ 6 nhóm ban đầu sẽ tổ chức thành 5 nhóm mới sao cho mỗi thành viên ở nhóm mới chưa từng làm việc với nhau ở nhóm cũ. Để thuận tiện, tôi thường đánh số từ 1- 5 ở nhóm cũ. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ thứ nhất, 6 học sinh đánh số 1 sẽ tổ chức thành 1 nhóm. Như vậy tôi sẽ chia lớp thành 5 nhóm mới dễ dàng.

Tiếp theo, tôi tiến hành giao nhiệm vụ mới cho học sinh. Học sinh sẽ trình bày kết quả thảo luận ở kỹ thuật khăn trải bàn.

Các nhóm sẽ chọn ra tối thiểu 6 từ và tối đa 10 từ để đặt câu với từ trong vòng 7 phút. Sau khi đặt câu xong, nhóm sẽ tập đọc các câu đó trong 7 phút.

Sau khi làm việc nhóm xong, tôi sẽ gọi ngẫu nhiên một số nhóm để đọc các câu nhóm vừa viết. Các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét.

- Ví dụ:

Khi thực hiện áp dụng kỹ thuật mảnh ghép vào bài 22 “ng và ngh”, Tiếng Việt lớp 1:

\* Mục đích:Hoạt động theo kỹ thuật mảnh ghép nhằm mục đích giúp các em biết cách đọc và đặt câu với các đồ vật, cây cối có chứa chữ “ngh”, “ng”.

Đầu tiên, tôi chia lớp thành 5 nhóm và mỗi nhóm bao gồm 6 thành viên để thuận tiện cho các em làm việc nhóm. Sau đó tôi sẽ ghi lên bảng các từ đang thiếu chữ “ng”, “ngh” lên bảng như:

…ập …ừng đề …ị củ …ệ …ỉ ngơi tha… máy …à voi

Với các từ còn thiếu trên, các nhóm có 5 phút để hoàn thành điền vào chỗ trống âm “ng”, “ngh”. Trong bài tập trên, với 6 từ cần điền và 6 học sinh mỗi nhóm, tôi gợi ý các em hoạt động nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép, mỗi học sinh sẽ nhận nhiệm vụ hoàn thành 1 từ, sau khi hoàn thành xong từ của mình, các em thảo luận nhóm và đưa ra kết quả chính xác nhất.

Sau khi các nhóm hoàn thành xong, tôi sẽ lần lượt mời các nhóm trình bày và đọc đáp án của mình, nhóm nào có kết quả chính xác nhất sẽ được tuyên dương.

Sau khi lồng ghép kỹ thuật này, học sinh trở nên tích cực, chủ động hơn trong học tập, các em mạnh dạn hơn trong giao tiếp, rèn luyện kỹ năng cần thiết và phát triển ngôn ngữ, kỹ năng đọc, học sinh hứng thú hơn trong học tập, không khí lớp học cũng trở nên sôi nổi hơn.

\* Điểm mới:

Điểm mới của biện pháp là việc giáo viên sử dụng kỹ thuật mảnh ghép trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 đã giúp cho học sinh có thể cải thiện khả năng phát triển ngôn ngữ, đọc và đặt các từ vào các ngữ cảnh của câu, đồng thời rèn luyện cho học sinh kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm.

### ***4.3. Biện pháp 3. Sử dụng kỹ thuật trò chơi giúp nâng cao hứng thú học tập, kích thích tư duy***

\* Mục đích:

Thông qua việc tích hợp trò chơi vào giảng dạy, học sinh có cơ hội vận dụng kiến thức một cách nhạy bén và linh hoạt hơn. Trò chơi không chỉ tạo ra sự hấp dẫn trong việc tiếp thu kiến thức mà còn giúp học sinh tạo môi trường thân thiện, thoải mái cho việc học tập. Kỹ thuật trò chơi cũng giúp học sinh tiếp thu tốt hơn thông qua việc tạo ra những trải nghiệm thú vị, gắn kết kiến thức với những trải nghiệm thực tế. Từ đó, học sinh trở nên tích cực hơn trong học tập và rèn luyện.

\* Nội dung và cách thực hiện:

Kỹ thuật trò chơi là việc giáo viên tổ chức các trò chơi liên quan đến nội dung bài học, có tác dụng và ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy tính tích cực, gây hứng thú học tập cho học sinh. Qua trò chơi, học sinh tiếp thu kiến thức một cách dễ dàng, nhanh chóng đồng thời qua trò chơi phát triển cho học sinh nhiều kỹ năng: kỹ năng giao tiếp, tự tin khi đứng trước đám đông.

Kỹ thuật trò chơi có vai trò và lợi ích đặc biệt quan trọng, giúp cho học sinh có thể phát triển các giác quan, thông qua trò chơi, các giác quan trở nên linh hoạt hơn, sử dụng ngôn ngữ cũng dễ dàng hơn; Giúp cho học sinh phát triển kiến thức mới, tiếp thu nội dung học tập; Tăng khả năng ghi nhớ kiến thức một cách nhanh chóng; Tạo tâm thế chủ động cho học sinh, kích thích tinh thần tự giác.

Trong quá trình thực hiện kỹ thuật này, chúng ta cần lưu ý một số điểm sau:

- Giáo viên cần chọn trò chơi phù hợp với đối tượng và lứa tuổi học sinh lớp 1.

- Giáo viên cần kết hợp trò chơi với mục tiêu giáo dục: Trò chơi cần được thiết kế sao cho có mục tiêu giáo dục rõ ràng và phù hợp với chương trình học Tiếng Việt lớp 1.

- Giáo viên cần sử dụng các phương tiện hỗ trợ khi dạy học như bảng, thẻ bài, tranh ảnh... để giúp học sinh hiểu rõ hơn nội dung của trò chơi.

- Giáo viên cần tạo cơ hội cho tất cả học sinh được tham gia tích cực vào trò chơi.

- Giáo viên cần động viên, khích lệ học sinh tham gia và hoàn thành trò chơi một cách tốt nhất.

- Tích hợp trò chơi vào hoạt động học tập chính thức như tìm hiểu văn bản, luyện đọc, luyện viết để có thể học sinh ứng dụng kiến thức vào thực tế.

**Ví dụ trò chơi “Tạo từ có nghĩa"**

Áp dụng: Bài 23: Chữ p, ph; trang 44, sách Tiếng Việt Cánh Diều lớp 1 tập 1.

\* Mục đích:

Khuyến khích học sinh tìm hiểu và áp dụng chữ p, ph một cách sáng tạo để tạo ra các từ mới có ý nghĩa, qua đó giúp nâng cao khả năng vận dụng ngôn ngữ và khả năng sáng tạo của học sinh.

\* Cách chơi:

Tôi chia lớp thành 6 nhóm tương ứng với 6 cột trên bảng. Sau khi phân nhóm, tôi sẽ lần lượt viết một từ đơn không có dấu thanh (ví dụ: nga -> ngã), sau đó thành viên của các nhóm sẽ nhanh chóng lên bảng viết hoàn chỉnh từ phù hợp sao cho từ mới có chứa từ đơn mà tôi đưa ra (trong đó học sinh có thể được thêm dấu thanh hoặc không).

- Ví dụ:Khi dạy bài 23: p- ph, giáo viên tổ chức trò chơi “Tạo từ có nghĩa” cho học sinh với mục đích giúp cho học sinh có thể đọc - viết, ghép chữ để viết đúng chính tả và sử dụng “p, ph” cho phù hợp.

Tôi chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm bao gồm 5 thành viên tương ứng 6 cột trên bảng với các vế câu và câu trả lời của học sinh như sau:

phô -> phố xá, con phố, phố cổ

pi -> pi a nô, pí po

pa -> pa nô

pha -> pha nước, phá nhà, phà

phơ -> phở bò

phê -> cà phê, phê bình



*Hình ảnh minh họa sử dụng kỹ thuật trò chơi.*

Với 6 cột từ đơn không có dấu thanh trên, các nhóm thảo luận và lần lượt lên bảng viết từ mới có nghĩa vào cột của nhóm mình, nhóm nào điền dấu nhanh nhất và chính xác nhất sẽ được tặng quà như kẹo, nhãn dán và được tôi tuyên dương trước lớp.

Qua trò chơi, học sinh có thể dễ dàng sử dụng p, ph phù hợp và đúng ngữ cảnh, đúng chính tả.

**Trò chơi: Rung chuông vàng**

Áp dụng: Bài 29: Ôn tập trang 21, sách Tiếng Việt Cánh Diều lớp 1 tập 1.

\* Mục đích:

Khuyến khích sự tham gia tích cực của học sinh, giúp các em rèn luyện khả năng tập trung, phản xạ nhanh và tăng cường kỹ năng ghi nhớ thông qua việc kết hợp học tập kiến thức và thực hành.

\* Cách chơi:

Tôi giới thiệu tên trò chơi và giới thiệu luật chơi “Rung chuông vàng” cho học sinh. Khi tôi đưa ra câu hỏi trên màn chiếu, học sinh sẽ nhanh chóng viết từ vào bảng con. Sau 30 giây, tôi yêu cầu học sinh giơ bảng. Học sinh trả lời đúng được tiếp tục chơi, trả lời sai phải dừng lại. Tôi có thể sử dụng hết bộ 30 câu hỏi hoặc cho đến khi chỉ còn lại 1 thành viên trong lớp trả lời đúng thì dừng trò chơi và trao thưởng cho học sinh.

- Ví dụ: Trò chơi “Rung chuông vàng” được tôi sử dụng khi dạy bài 9: Ôn tập, Tiếng Việt Cánh Diều lớp 1 tập 1.

Trước khi bắt đầu trò chơi, tôi chuẩn bị 1 số câu hỏi như sau:

+ Tìm từ có âm đầu là “b”

+ Viết chữ “nghỉ ngơi” lên bảng con

+ Tìm từ có âm cuối là ‘t’

+ Tìm từ có 2 âm “a”

+ Tìm từ tương ứng với hình (đưa hình ảnh trên màn hình)

+ Điền từ còn thiếu “...ố cổ”

Với bộ câu hỏi tôi đã soạn trước trên, tôi sẽ tiến hành trò chơi “Rung chuông vàng” cho đến khi chỉ còn 1 em học sinh trả lời đúng. Sau khi tôi trình chiếu câu hỏi ở trên màn hình, các em có 30 giây để viết đáp án vào bảng con. Ví dụ: Với câu hỏi điền từ còn thiếu “…ố cổ”, đáp án các em phải viết vào bảng con là “phố cổ”, những đáp án trả lời sai sẽ dừng cuộc chơi còn những đáp án đúng sẽ được chơi tiếp trò chơi. Người chiến thắng cuối cùng sẽ được tôi tuyên dương và khen thưởng trước lớp.

\* Điểm mới:

Điểm mới mà phương pháp này mang lại là sự kết hợp giữa học tập và giải trí, tạo ra môi trường học tập tích cực và thú vị. Thay vì tiếp cận kiến thức một cách truyền thống, học sinh tham gia vào các hoạt động chơi game được thiết kế phù hợp để đẩy mạnh khả năng tư duy logic, giải quyết vấn đề và tương tác xã hội. Bên cạnh đó, trò chơi không chỉ làm cho quá trình học tập thú vị hơn, mà còn giúp học sinh phát triển các kỹ năng quan trọng như làm việc nhóm, quản lý thời gian và kỹ năng giải quyết vấn đề.

### ***4.4. Biện pháp 4. Sử dụng kỹ thuật đóng vai giúp học sinh phát triển khả năng sáng tạo, tự tin trước đám đông.***

\* Mục đích:

Việc sử dụng kỹ thuật đóng vai giúp cho học sinh trở nên tự tin hơn trước đám đông, học sinh không còn e dè, ngại ngùng khi giao tiếp với các thành viên trong lớp. Khi các em tham gia vào việc đóng vai, học sinh phải đặt mình vào tình huống, vai diễn của nhân vật mình đang đóng, và từ đó phải nghĩ cách thể hiện ý tưởng và tương tác với người khác một cách sáng tạo, phát triển khả năng tư duy đa chiều.

\* Nội dung và cách thực hiện:

Kỹ thuật đóng vai là một phương pháp giáo dục tập trung vào việc cho học sinh đóng vai nhân vật và thực hiện các tình huống giả định để giúp tăng cường kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và trau dồi kiến thức. Học sinh có cơ hội được nâng cao vốn từ vựng mới, thực hành vận dụng từ vựng khi kể chuyện, diễn xuất.

Khi thực hiện lồng ghép kỹ thuật đóng vai, giáo viên cần vận dụng một số các nguyên tắc cơ bản của kỹ thuật đóng vai như sau:

- Lựa chọn đề tài phù hợp với nội dung bài học và đối tượng học sinh

- Giáo viên cần phân vai hợp lý cho học sinh: Phân vai sao cho phù hợp với năng lực và tính cách của học sinh.

- Xây dựng kịch bản đóng vai với một câu chuyện hấp dẫn và có tính giáo dục.

- Cung cấp phản hồi và đánh giá sau khi học sinh thực hiện xong để giúp học sinh nâng cao kỹ năng và cải thiện kết quả trong lần đóng vai sau.

- Giúp học sinh xây dựng tình cảm với nhân vật để các em có thể thực hiện đóng vai một cách tự nhiên và thuyết phục.

- Giúp học sinh cảm thấy thoải mái khi thực hiện đóng vai, tránh tạo áp lực hoặc căng thẳng trong quá trình thực hiện.

- Ví dụ: Tôi áp dụng kỹ thuật đóng vai khi dạy bài 38: Chú thỏ thông minh.

Tôi kể chuyện cho học sinh nghe hoặc cho học sinh xem Video kể chuyện Chú thỏ thông minh. Khi học sinh tham gia vào việc đóng vai trong câu chuyện "Chú thỏ thông minh", có một số điểm quan trọng cần lưu ý. Trước hết, học sinh cần phải làm quen với từ vựng mới và các khái niệm chưa biết trong câu chuyện để có thể hiểu rõ nội dung. Học sinh cũng cần phải nắm vững các tình tiết quan trọng để xây dựng kịch bản và diễn xuất phù hợp với tình huống. Để diễn xuất thực tế và chân thực, các em cần phải hiểu sâu về tính cách và tương tác của các nhân vật trong câu chuyện. Bên cạnh đó, cảm nhận và đồng cảm với nhân vật mình đóng sẽ giúp học sinh thể hiện cảm xúc và suy nghĩ một cách tự nhiên. Đồng thời, để xây dựng kịch bản và diễn xuất tốt, học sinh cần có khả năng thu thập thông tin từ văn bản và tìm hiểu sâu về câu chuyện.



*Link video Chú thỏ thông minh:* [*https://youtu.be/YC6jJgj2EFs*](https://youtu.be/YC6jJgj2EFs)

Sau khi các em nghe kể xong, tôi sẽ tổng hợp lại các từ mới, nội dung và tình tiết câu chuyện rằng chú thỏ thông minh đã lừa cáo bằng cách nào? trí thông minh của Chú thỏ như thế nào? để học sinh có thể nắm bắt kiến thức, từ đó có thể học tốt môn Tiếng Việt hơn. Bên cạnh đó, tôi cũng giải thích và bổ sung thêm một số từ vựng có thể sử dụng khi kể chuyện và đưa ra ví dụ cho học sinh hiểu.

Tôi chia lớp thành 10 nhóm, mỗi nhóm 3 thành viên để học sinh đóng vai thành cáo, thỏ và 1 người dẫn chuyện để kể lại câu chuyện. Khi đóng vai cho nhân vật thỏ và cá sấu trong câu chuyện, học sinh cần chú ý đến cách thể hiện phù hợp với tính cách của từng nhân vật. Đối với thỏ, học sinh nên sử dụng giọng nhẹ nhàng, thể hiện cảm xúc tò mò và thân thiện. Đối với cáo, giọng mạnh mẽ và thái độ thản nhiên, gian ác sẽ thể hiện đúng bản chất của nhân vật. Các yếu tố này giúp học sinh tạo ra một diễn xuất hấp dẫn và tương thích với tính cách của từng nhân vật.

Các nhóm thực hành nhóm trong vòng 10 phút. Sau 10 phút, tôi sẽ gọi các nhóm lần lượt lên kể trước lớp. Nhóm đóng vai dẫn dắt đúng nội dung câu chuyện, thể hiện đúng tâm lí nhân vật và lôi cuốn người xem nhất sẽ được tôi tuyên dương trước lớp.

Sau khi cho học sinh đóng vai câu chuyện khi học bài “Chú thỏ thông minh”, hầu hết các em học sinh có hứng thú hơn trong học tập, các em đều đã tự tin đứng lên trước lớp đóng vai đúng nội dung câu chuyện, đồng thời không khí lớp học cũng trở nên sôi nổi, vui nhộn hơn.

\* Điểm mới:

Qua việc nhập vai vào các nhân vật khác nhau, học sinh được khám phá và thể hiện mặt mới của bản thân. Các em không chỉ học cách thấu hiểu suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật, mà còn dũng cảm thể hiện ý kiến riêng trước mọi người. Điều này giúp học sinh trở nên tự tin hơn trong việc diễn đạt, tạo ra môi trường học tập tương tác và đầy thú vị, đồng thời phát triển khả năng sáng tạo, tư duy đa dạng, giúp các em trở thành người tự tin trước đám đông.

## 5. Kết quả đạt được:

## Qua quá trình thực hiện đề tài cũng như áp dụng các giải pháp trong sáng kiến vào trong thực tiễn, cá nhân tôi đã thấy những sự khác biệt cụ thể sau khi áp dụng sáng kiến như sau:

- Học sinh tích cực, năng động hơn, kích thích tư duy và tinh thần sáng tạo của học sinh. Hầu hết các em học sinh đều tham gia sôi nổi, hào hứng các hoạt động trong tiết học. Khi giáo viên cho học sinh học tập bằng các kĩ thuật dạy học tích cực còn giúp thay đổi không khí lớp học, khiến lớp học trở nên vui nhộn, thu hút hơn, tiết học không còn nhàm chán. Các em cũng đã thực hiện tốt vai trò của mình trong học tập, chất lượng giờ học được cải thiện rõ rệt.

- Học sinh đã chủ động và tích cực hơn trong việc chia sẻ các kiến thức, độc lập trong tư duy. Học sinh đã tích cực thực hiện bài tập được giao về nhà, chăm chỉ hoàn thiện các bài tập. Đặc biệt, các em học sinh đã phát triển năng lực tự học tốt, rèn luyện tư duy độc lập sáng tạo.

- Tiết học Tiếng Việt trên lớp vui vẻ, thú vị hơn. Ngoài việc chủ động tiếp thu kiến thức, các em cũng đã hình thành và phát triển năng lực cần thiết như: năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm, năng lực tự học. Chủ động hơn trong công việc học tập, vận dụng kiến thức trong thực tiễn. Thông qua hoạt động này cũng góp phần xây dựng tập thể vững mạnh hơn, giúp các em học sinh phát triển các năng lực cần thiết theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để cụ thể hóa các kết quả này, tôi đã thực hiện khảo sát kết quả học tập của học sinh lớp 1E môn Tiếng Việt sau khi áp dụng sáng kiến vào thực tế. Kết quả khảo sát được thể hiện trong các bảng dưới đây:

Bảng kết quả học tập của học sinh 1E môn Tiếng Việt trước và sau áp dụng sáng kiến.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chất lượng môn Tiếng Việt** | **Trước khi**  **áp dụng sáng kiến** | | **Sau khi**  **áp dụng sáng kiến** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| **Điểm 9- 10** | 2/30 | 6, 6% | 10/30 | 33% |
| **Điểm 7- 8** | 6/30 | 20, 4% | 12/30 | 40% |
| **Điểm 5- 6** | 17/30 | 57% | 8/30 | 27% |
| **Điểm dưới 5** | 5/30 | 16% | 0/30 | 0% |

Qua bảng khảo sát kết quả học tập, chúng ta có thể thấy rõ sự tiến bộ của các em sau khi sáng kiến được áp dụng. Số lượng học sinh hoàn thành tốt môn Tiếng Việt đã tăng nhanh chóng từ 27% lên 73%. Số lượng học sinh hoàn thành đã giảm từ mức 57% xuống 27%. Học sinh chưa hoàn thành môn Tiếng Việt đã không còn sau khi áp dụng sáng kiến.

Bên cạnh đó, tôi đã thực hiện bảng khảo sát thực tế để so sánh thái độ học tập trong môn Tiếng Việt trước và sau khi áp dụng sáng kiến của 30 em học sinh lớp 1E và thu được kết quả như sau:

Bảng so sánh thái độ học tập môn Tiếng Việt của học sinh trước và sau áp dụng sáng kiến.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí khảo sát** | **Trước khi áp dụng sáng kiến** | | **Sau khi áp dụng sáng kiến** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
|
| Học sinh có năng lực hợp tác và làm việc nhóm | 8/30 | 26,7% | 23/30 | 76,7% |
| Học sinh khả năng tư duy trong quá trình học tập | 7/30 | 23,3% | 21/30 | 70% |
| Học sinh có khả năng sáng tạo trong học tập | 5/30 | 16,7% | 25/30 | 83,3% |
| Học sinh tự tin khi trình bày trước đám đông | 6/30 | 20% | 23/30 | 76,7% |
| Học sinh hứng thú, tích cực tham gia xây dựng bài vở | 5/30 | 16,7% | 24/30 | 80% |
| Học sinh có vốn từ rộng và có năng lực ngôn ngữ | 10/30 | 33% | 27/30 | 90% |

Qua bảng khảo sát nêu trên, chúng ta có thể thấy rõ thái độ học tập của các em học sinh với môn Tiếng Việt đã có sự thay đổi nhất định theo hướng tích cực. Cụ thể, tỷ lệ học sinh có năng lực hợp tác và làm việc nhóm đã tăng từ 26,7% lên 76,7%. Số học sinh có khả năng tư duy trong quá trình học tập đã tăng từ 23,3% lên 70%. Tỷ lệ học sinh có khả năng sáng tạo trong học tập đã tăng từ 16,7% lên 83,3%, đây là một mức tăng nhanh chóng thể hiện rõ ràng sự thay đổi thái độ của đa phần học sinh. Cuối cùng, các em đã tự tin khi trình bày trước đám đông, tỷ lệ này tăng từ 20% lên 76,7%. Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh hứng thú, tích cực tham gia xây dựng bài và tỷ lệ học sinh có vốn từ rộng, năng lực ngôn ngữ cũng đã tăng mạnh lần lượt có tỷ lệ là 80% và 90%.

**6. Điều kiện sáng kiến được nhân rộng**

Nhà trường cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, các phương tiện, thiết bị dạy học, hệ thống mạng Internet ổn định. Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên về đổi mới phương pháp, kĩ thuật dạy học cho giáo viên

Giáo viên có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nắm chắc kiến thức chương trình giảng dạy. Yêu nghề, nhiệt tình, sáng tạo, đổi mới trong giảng dạy. Phải nắm được tâm lý học sinh; biết được nguyên nhân vì sao học sinh chưa hứng thú với môn học, chưa đạt được kết quả học tập tốt để đưa ra biện pháp phù hợp với đối tượng học sinh lớp mình giảng dạy. Đồng thời phải thường xuyên trao đổi, phối kết hợp chặt chẽ với phụ huynh trong việc giáo dục học sinh.

Mỗi học sinh cần phải rèn luyện tính tự giác, tự chủ trong học tập. Thường xuyên ôn luyện, trau dồi kiến thức để tự tin trong học tập cũng như các hoạt động khác.

Phụ huynh cần trang bị đầy đủ đồ dùng học tập, sách vở cho con và quan tâm đến việc học tập của con. Trao đổi với giáo viên về những khó khăn, vướng mắc trong việc đồng hành cùng con trong học tập.

# **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

## 1. Kết luận

## Như vậy, việc lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực đã mang lại nhiều lợi ích cho học sinh lớp 1 trong học môn Tiếng Việt: Biện pháp *“Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn giúp học sinh cao năng lực hợp tác, làm việc nhóm”* nhằm giúp kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh trong lớp. Đồng thời tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh trong tham gia nhiệm vụ học tập, góp phần phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với học sinh;Biện pháp *“Sử dụng kỹ thuật mảnh ghép giúp học sinh cải thiện năng lực ngôn ngữ, mở rộng vốn từ”* nhằm giúp cho học sinh có thể cải thiện khả năng phát triển ngôn ngữ, đọc và ghép các từ đồng thời rèn luyện cho học sinh kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm; Biện pháp *“Sử dụng kỹ thuật trò chơi giúp nâng cao hứng thú học tập, kích thích tư duy”* nhằm giúp cho học sinh hứng thú hơn trong học tập, kích thích tư duy độc lập, sáng tạo đồng thời tạo không khí học tập vui nhộn cho học sinh, tránh cảm giác nhàm chán; Biện pháp *“Sử dụng kỹ thuật đóng vai giúp học sinh phát triển khả năng sáng tạo, tự tin trước đám đông”* giúp cho học sinh rèn luyện kỹ năng giao tiếp, độc lập, sáng tạo, kích thích tư duy, học sinh trở nên tự tin thể hiện mình trước đám đông, nội dung bài học cũng được tiếp thu một cách nhanh chóng, hiệu quả.

## 2. Khuyến nghị

Để nâng cao chất lượng công tác giảng dạy cũng như lồng ghép các kỹ thuật dạy học để học tốt môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1, cá nhân tôi có một số khuyến nghị cụ thể sau:

**- Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo***:* Cần đẩy mạnh tổ chức các cuộc giao lưu, các cuộc hội thảo về việc vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực cho giáo viên nhằm tạo ra cho giáo viên có cơ hội được trau dồi thêm kinh nghiệm và học hỏi chuyên môn với các giáo viên khác.

**- Đối với Nhà trường:** Tổ chức các buổi tập huấn, các phong trào thi đua về việc sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực hiệu quả nhằm phát huy năng lực cho học sinh, tìm ra nhiều sáng kiến mới, biện pháp mới. Tổ chức thêm các cuộc giao lưu cho học sinh trau dồi thêm kiến thức. Ngoài ra, nhà trường cũng cần tổ chức thêm nhiều hoạt động ngoại khóa, các buổi trải nghiệm để các em học sinh có cơ hội rèn luyện và phát huy các năng lực của mình.

**- Đối với giáo viên:** Giáo viên cần không ngừng đổi mới áp dụng các kỹ thuật dạy học trong tiết học Tiếng Việt để tạo hứng thú, phát huy tính tích cực, thu hút sự chú ý học hỏi của học sinh trong mỗi tiết dạy. Giáo viên cần không ngừng tìm tòi các kỹ thuật dạy học mới để đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục, phát huy năng lực cho học sinh.

**- Đối với phụ huynh học sinh:**Cần đặc biệt quan tâm đến việc học tập của học sinh hơn, có các biện pháp phối hợp cùng với giáo viên để nâng cao chất lượng môn học, phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên và nhà trường, đảm bảo học sinh được học tập tốt nhất.

Trên đây là sáng kiến của tôi về việc **“Lồng ghép các kỹ thuật dạy học tích cực để dạy học tốt môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1” *(Bộ sách Cánh Diều)***, rất mong được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến bổ sung thêm cho sáng kiến được đầy đủ và có hiệu quả hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**PHỤ LỤC**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Dạy và dạy học tích cực- Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học. Nguyễn Lăng Bình (chú biên)- Đỗ Hương Trà. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

2. Tâm lí lứa tuổi và giáo dục. Tác giả Mạc Văn Trang. Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA**

**Môn: Tiếng Việt lớp 1 (Bộ sách Cánh Diều)**

**BÀI 41: EM, EP (tiết 1)**

**Ngày dạy: 25/10/2023**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết các vần và chữ em, ep; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có em, ep.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có em, ep.

- Viết đúng các chữ ghi vần em, ep và các chữ ghi tiếng kem, dép.

**-** Tạo cơ hội để giúp HS:

+ Phát triển năng lực lập luận, tư duy và năng lực giao tiếp Tiếng Việt

+ Năng lực tự chủ, tự học: chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: tích cực thảo luận, đóng góp ý kiến, cùng thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm, lớp.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực, hoàn thành tốt, nhanh nhiệm vụ học tập.

- Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Tích cực suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc, tự giác…

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

- GV: Máy tính, ti vi minh họa từ khóa, từ trong bài tập và tranh ảnh,

- HS: Bộ đồ dùng Tiếng Việt 1, bảng phấn, vở bài tập và sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 tập 1 (Cánh Diều).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Khởi động:** GV chiếu bài tập đọc “Bé Lê” bài 40 sách giáo khoa Tiếng Việt 1 tập 1 (Cánh Diều) | - HS quan sát màn hình ti vi. |
| - GV cho HS chơi trò chơi: “Diễn viên nhí siêu đỉnh” ***(GV lồng ghép kỹ thuật đóng vai).*** |  |
| - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, phổ biến luật chơi. | - HS lắng nghe GV hướng dẫn cách chơi, phổ biến luật chơi trò chơi. |
| - GV gọi 2 nhóm chơi trò chơi. | - HS đọc đóng vai theo (người dẫn chuyện- bé Lê- mẹ bé Lê)  - 2 nhóm chơi trò chơi. |
| - GV cho học sinh nhận xét, bình chọn “Diễn viên nhí siêu đỉnh”.  - GV nhận xét chung, tuyên dương “Diễn viên nhí siêu đỉnh”. | - HS nhận xét, bình chọn **“**Diễn viên nhí siêu đỉnh”. |
| - Giới thiệu bài 41: em, ep. | - HS mở bài 41: em, ep sách giáo  khoa Tiếng Việt 1 tập 1 (Cánh Diều) |
| **B. Các hoạt động chủ yếu.** | |
| **Hoạt động 1. Khám phá**  Mục tiêu:Nhận biết các vần và chữ em, ep; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có vần em, ep. | |
| **1. Dạy vần em:** |  |
| - GV chiếu tranh và hỏi HS: Đây là gì?  - GV chỉ tiếng kem.  - GV đọc: kem.  - YC lần lượt đọc: kem.  - Chữ ghi tiếng kem gồm mấy phần, phần nào đã học, phần nào chưa học?  - GV giới thiệu vần em  - GV đọc mẫu vần em, yêu cầu HS đọc.  - YC HS phân tích.  - GV chiếu mô hình.  - YC HS đọc mô hình?  - YC HS phân tích tiếng kem.  - GV chiếu mô hình.  - YC HS đọc mô hình?  - Yêu cầu HS ghép vần emtrên bảng cài.  - GV cho HS chơi trò chơi “Bắn tên”  ***(GV lồng ghép kỹ thuật trò chơi)***  + GV hướng dẫn cách chơi, phổ biến luật chơi trò chơi.  + GV tuyên dương HS chơi tốt.  + GV ghi tiếng mới: kem, kèm, kém, kẻm, kẽm, kẹm.  - Yêu cầu HS đọc lại các tiếng HS vừa tìm được. | - HS: Đây là que kem.  - HS nhận biết tiếng kem  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: kem  - Chữ ghi tiếng kem gồm 2 phần, ; ; phần đầu đã học, phần vần chưa học.  - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: em  - HS phân tích cá nhân- tổ- cả lớp  - HS quan sát.  - HS đọc cá nhân- tổ- cả lớp.  - HS phân tích cá nhân- tổ- cả lớp  - HS quan sát.  - HS đọc cá nhân- tổ- cả lớp.  - HS thực hành.  - 1 HS điều khiển trò chơi “Bắn tên”, gọi tên bạn nào, bạn đó thêm thanh tạo thành tiếng khóa.  + HS cả lớp cùng chơi.  - HS đọc lại các tiếng (cá nhân- tổ- cả lớp). |
| **2. Dạy vần ep** (Tương tự vần em):  - So sánh em/ep | - **HS NK** so sánh. |  |
| **1. Mở rộng vốn từ. (BT2)** | - HS mở BT2 bài 41 em, ep vở  bài tập Tiếng Việt 1 tập 1(Cánh Diều) |
| + Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  + Nói sự vật dưới mỗi bức tranh.  - GV chỉ hình, yêu cầu 1 HS đọc chữ dưới từng sự vật.  - Giải nghĩa: tem thư là một mảnh giấy hình chữ nhật nhỏ dùng để trả phí cho dịch vụ bưu chính và được dính vào góc trên bên phải của phong bì thư.)  - Yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, tìm các tiếng có em, ep  - Yêu cầu 2 HS đại diện 2 nhóm lên bảng chỉ và nói. | - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - HS nêu cá nhân.  - HS lần lượt đọc: lễ phép, tem thư, cá chép, xem ti vi, rèm, ngõ hẹp.  - Thảo luận nhóm đôi.  - em: tem, xem, rèm.  - ep: phép, chép, hẹp. |
| - Nhận xét chung.  - GV chỉ từng hình yêu cầu cả lớp nói tên từng sự vật có chứa vần gì? | - Nhận xét, đánh giá.  - HS nói đồng thanh.  - HS nói: phép có vần ep, ... |
| - GV đố học sinh tìm tiếng có em, ep ngoài bài. ***(GV lồng ghép kỹ thuật khăn trải bàn)***  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS thảo luận.  - Gọi các nhóm báo cáo.  - GV ghi tiếng mới của các nhóm.  - Nhận xét (giải nghĩa 1 số từ mới), tuyên dương các nhóm thực hành tốt*.*  - YCHS đọc lại các tiếng.  *-*GV đố HS tìm từ mới chứa tiếngnem, đẹp. ***(GV lồng ghép kỹ thuật mảnh ghép)***  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS thảo luận.  - Gọi các nhóm báo cáo.  - GV ghi từ mới ghép của các nhóm  - Luyện đọc từ mới Gọi HS báo cáo kết quả. nhận xét, tuyên dương, hỗ trợ giải nghĩa từ mới.  - GV cho HS đọc lại những âm, vần đã học dưới chân trang 74 sách giáo khoa. | - HS lắng nghe.  - HS nhận phiếu, thảo luận nhóm  6- ghép chữ ghi vần em, ep ngoài  bài học.  - Nhóm trưởng các nhóm báo cáo  kết quả.  + em: hẻm, nem, ném, kém, kèm, ...  + ep: đẹp, ghép, kẹp, kép, ...  - HS đọc lại các tiếng.  - HS lắng nghe.  - HS nhận phiếu học tập, thảo luận nhóm 4.  - Nhóm trưởng các nhóm báo cáo  kết quả.  + nem: nem chua, ăn nem, làm nem, ....  + đẹp: chữ đẹp, vở đẹp, xinh đẹp, ....  - Cả lớp đọc lại các âm dưới chân  trang 74 sách giáo khoa. |
| **2. Tập viết (BT 4)** |  |
| a.Hướng dẫn  - GV viết bảng lớp: em, ep, kem, dép |  |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. | - HS thực hiện. |
| - Yêu cầu HS đọc lại các vần, tiếng vừa học. | - HS đọc cá nhân |
| - GV cho HS quan sát chữ mẫu sau đó GV vừa viết mẫu trên khung ô li phóng to trên bảng vừa hướng dẫn quy trình viết :  + Chữ ghi vần em: là ghép từ hai chữ e và m, đều cao 2 li.  + Chữ ghi vần ep: là ghép từ hai chữ e và p, chữ ă cao 2 li, chữ p cao 4 li  + Chữ ghi tiếng kem: viết chữ k trước, chữ ghi vần em sau, chú ý nét nối.  + Chữ ghi tiếng dép: viết chữ d trước, chữ ghi vần ep sau, dấu sắc đặt trên chữ e. | - HS theo dõi. |
| b. Thực hành viết  - Cho HS viết bảng chữ ghi vần: em, ep; chữ ghi tiếng: kem, dép | - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ ghi vần em, ep (2- 3 lần).  - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ  ghi tiếng: kem, dép 2 lần |
| c. Báo cáo kết quả  - GV yêu cầu HS giơ bảng.  - GV nhận xét, tuyên dương HS viết đúng, viết đẹp. | - HS giơ bảng theo hiệu lệnh.  - 3- 4 HS giới thiệu bài trước lớp  - HS khác nhận xét |
| **C. Củng cố - dặn dò**  - Em học được gì qua tiết học? Điều gì khiến em thích nhất?  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - HĐNT: Chuẩn bị đồ dùng học tiếp bài 41 (tiết 2). | - HS trả lời cá nhân.  - Lắng nghe  - HS ghi nhớ để thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (NẾU CÓ)**

……………………………………………………………………………….……

…………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 1**

**Thời gian khảo sát: Tuần 4- Năm học 2023 - 2024**

**Thời gian: 25 phút**

**Câu 1:** (1 điểm): **Đọc âm**

a, c, gi, k, g, h, b, ơ, d, o, ô, ê, ia, g, đ

**Câu 2:** (3 điểm): **Đọc từ**

khe đá, kẽ hở, xẻ gỗ, lá mía, giỏ cá, chữ kí, ghi nhớ, bố mẹ, ghế da, bờ đê.

**Câu 3:** (4 điểm): **Đọc câu**

- Bà đi chợ về cho bé quả na.

- Bố thả cá mè, bé thả cá cờ.

**Câu 4:** (2 điểm): **Điền c hay k?**

… ẻ vở ….ổ cò ... ờ đỏ ….ì đà

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | - HS đọc đúng 4 âm theo yêu cầu được 1 điểm. | 1 điểm |
| 2 | - HS đọc đúng 3 từ theo yêu cầu, mỗi từ được 1 điểm. | 3 điểm |
| 3 | - HS đọc đúng 1 câu theo yêu cầu được 4 điểm. | 4 điểm |
| 4 | - HS điền đúng 4 chỗ chấm lần lượt là: k, c, c, k được 2 điểm. | 2 điểm |

**ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2**

**Thời gian khảo sát: Tuần 17- Năm học 2023- 2024**

**Thời gian: 30 phút**

**Câu 1:** (2 điểm): **Đọc 10 âm vần trong bảng sau.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ph | gh | ch | qu | ngh | eng | ươp | ang | im | ip |
| qu | âm | êp | ươc | ưa | iêm | ươn | yên | un | êt |

**Câu 2:** (3 điểm): **Đọc 6 từ trong bảng sau.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| chú thỏ | tia nắng | cá chuồn | đàn kiến |
| lang thang | im lặng | đưa võng | vươn lên |

**Câu 3:** (2 điểm): **Đọc 1 trong các câu sau:**

- Chủ nhật, bố mẹ đưa em đi xem xiếc ở rạp.

- Sen hồng, sen trắng đua nở, ngan ngát khắp đầm.

**Câu 4:** (1 điểm): **Điền ng hay ngh?**

… ắm nhìn ….ề thợ lặn

**Câu 5:** (2 điểm): **Sắp xếp các từ và viết lại câu cho đúng.**

**giàn gấc/ bà/trong/ trồng/ vườn nhà/.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM ĐỀ KHẢO SÁT LẦN 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | - HS đọc đúng 10 âm, vần theo yêu cầu được 2 điểm. | 2 điểm |
| 2 | - HS đọc đúng 6 từ theo yêu cầu được 3 điểm. | 3 điểm |
| 3 | - HS đọc đúng 1 câu theo yêu cầu được 2 điểm. | 2 điểm |
| 4 | - HS điền đúng 2 chỗ chấm lần lượt là: ng, ngh được 1 điểm. | 1 điểm |
| 5 | - HS viết đúng câu: “bà trồng giàn gấc trong vườn nhà.” hoặc “trong vườn nhà bà trồng giàn gấc.” được 2 điểm. (chưa yêu cầu HS viết hoa chữ cái đầu câu) | 2 điểm |